

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 499/QĐ -TTg

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chương trình “Bảo vệ và phát triển các dân tộc thiểu số
rất ít người giai đoạn 2021 - 2030”**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về công tác dân tộc;

Căn cứ Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;

Căn cứ Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;

Theo đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình “Bảo vệ và phát triển các dân tộc thiểu số rất ít người giai đoạn 2021-2030 (sau đây gọi tắt là Chương trình) gồm những nội dung sau:

1. Đối tượng, phạm vi, thời gian thực hiện

- Đối tượng thực hiện của Chương trình là: đồng bào dân tộc thiểu số rất ít người sinh sống tập trung trên địa bàn 12 tỉnh: Cao Bằng, Hà Giang, Lào Cai, Yên Bái, Tuyên Quang, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Kon Tum.

- Thời gian thực hiện từ năm 2021 đến năm 2030.

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu tổng quát

Hỗ trợ cải thiện tình trạng dân số của các dân tộc thiểu số rất ít người cả về số lượng và chất lượng, nhằm đạt được mức sinh thay thế, giảm mạnh tỷ lệ tử vong mẹ và trẻ em, tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi, góp phần nâng cao chất lượng dân số, đảm bảo sự phát triển đồng đều và bình đẳng giữa các dân tộc.

b) Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu đến năm 2025

- Về truyền thông: ít nhất 90% cộng tác viên dân số, y tế thôn bản, cán bộ dân số ở trạm y tế xã, người có uy tín trong cộng đồng các dân tộc thiểu số rất ít người được cung cấp thông tin, kiến thức về dân số - kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản, bà mẹ và trẻ em.

- Về tiếp cận dịch vụ dân số - kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản:

+ Giảm bình quân từ 2 - 3%/năm số cặp tạo hôn và hôn nhân cận huyết;

+ Ít nhất 35% thanh niên được tư vấn tiền hôn nhân, khám sức khỏe tiền hôn nhân nhằm phát hiện các bệnh về truyền nhiễm, HIV;

+ Giảm ít nhất 50% phụ nữ mang thai sinh con tại nhà; khám quản lý thai nghén và được chăm sóc y tế; giảm 25% tỷ số tử vong mẹ; giảm từ 2 - 5‰ tỷ suất chết trẻ em dưới 1 tuổi;

+ Tối thiểu có 50% phụ nữ mang thai được tầm soát ít nhất 4 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất; 50% trẻ sơ sinh được tầm soát ít nhất 5 bệnh bẩm sinh phổ biến nhất.

- Về dinh dưỡng: Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng ở bà mẹ mang thai và trẻ em. Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi, nhẹ cân của trẻ em dưới 5 tuổi giảm còn dưới 20%.

- Về giáo dục: Nâng tỷ lệ người dân tộc thiểu số rất ít người độ tuổi từ 15 đến 60 biết chữ đạt 95%; có 90% số người biết chữ tiếp tục tham gia học tập để củng cố vững chắc kết quả biết chữ; 50% người lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của dân tộc thiểu số rất ít người;

Mục tiêu đến năm 2030

- Về truyền thông: phấn đấu 100% cộng tác viên dân số, y tế thôn bản, cán bộ dân số ở trạm y tế xã, người có uy tín trong cộng đồng các dân tộc thiểu số

rất ít người được cung cấp thông tin, kiến thức về dân số - kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản, bà mẹ và trẻ em.

- Về tiếp cận dịch vụ dân số - kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản:
 - + Giảm bình quân từ 3 - 5%/năm số cặp tạo hôn và hôn nhân cận huyết;
 - + 55% thanh niên được tư vấn tiền hôn nhân, khám sức khỏe tiền hôn nhân nhằm phát hiện các bệnh về truyền nhiễm, HIV;
 - + Phần đầu giảm không còn phụ nữ sinh con tại nhà, khám quản lý thai nghén và được chăm sóc y tế; giảm 50% tỷ số tử vong mẹ; giảm 5‰ tỷ suất chết trẻ em dưới 1 tuổi;
 - + Tối thiểu có 70% bà mẹ mang thai được tầm soát ít nhất 4 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất; 70% trẻ sơ sinh được tầm soát ít nhất 5 bệnh bẩm sinh phổ biến nhất.

- Về dinh dưỡng: Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng ở bà mẹ mang thai và trẻ em. Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi, nhẹ cân của trẻ em dưới 5 tuổi giảm còn dưới 15%.

- Về giáo dục: Nâng tỷ lệ người dân tộc thiểu số rất ít người độ tuổi từ 15 đến 60 biết chữ đạt 99%; có 95% số người biết chữ tiếp tục tham gia học tập để củng cố vững chắc kết quả biết chữ; 70% người lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của dân tộc thiểu số rất ít người.

3. Các nhiệm vụ và giải pháp

a) Nhiệm vụ

- Tăng cường công tác truyền thông, giáo dục, nâng cao nhận thức thay đổi hành vi và huy động sự tham gia của toàn xã hội nhằm bảo vệ và phát triển các dân tộc ít người;

- Nâng cao năng lực hệ thống y tế vùng dân tộc về cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình và các dịch vụ nâng cao chất lượng dân số;

- Chăm sóc sức khỏe bà mẹ mang thai và hỗ trợ dinh dưỡng cho trẻ, nâng cao tỷ lệ trẻ em đến lớp ở các nhóm tuổi mẫu giáo đúng độ tuổi;

- Đẩy mạnh công tác xóa mù chữ, đào tạo nghề cho đồng bào dân tộc thiểu số rất ít người;

- Xây dựng mô hình nâng cao chất lượng dân số đối với đồng bào dân tộc thiểu số rất ít người.

b) Giải pháp

- Về thông tin, truyền thông:

+ Nâng cao nhận thức thay đổi hành vi về dân số - kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản, chăm sóc sức khỏe cộng đồng, chế độ dinh dưỡng đối với bà mẹ mang thai và trẻ em dưới 5 tuổi;

+ Xây dựng các sản phẩm truyền thông;

+ Nâng cao năng lực mạng lưới cộng tác viên, tư vấn, cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng dân tộc thiểu số rất ít người;

+ Tổ chức đánh giá chất lượng dân số dân tộc thiểu số rất ít người, tham quan học tập, xây dựng mô hình truyền thông trực tiếp tới người dân;

+ Tổ chức các hoạt động biểu dương, tôn vinh bằng hình thức phù hợp đối với các tổ chức, cá nhân có thành tích, các mô hình thực hiện có hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng dân số các dân tộc thiểu số rất ít người.

- Về chuyên môn kỹ thuật:

+ Hỗ trợ cải thiện dinh dưỡng đối với bà mẹ mang thai, trẻ em dưới 5 tuổi:

. Tổ chức các hoạt động tư vấn dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai trước, trong và sau sinh: kiến thức về việc bổ sung viên sắt/folic/đa vi chất phòng chống thiếu máu, thiếu sắt, các khoáng chất trong quá trình theo dõi thai nghén; vệ sinh cá nhân phòng tránh nhiễm khuẩn từ mẹ sang con; lợi ích cho con bú sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu; cân bằng dinh dưỡng trong các bữa ăn;

. Khám, quản lý thai nghén được chăm sóc y tế đối với phụ nữ mang thai, hỗ trợ phụ nữ mang thai được tầm soát ít nhất 4 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất; trẻ sơ sinh được tầm soát ít nhất 5 bệnh bẩm sinh phổ biến nhất; hỗ trợ phương tiện đi lại cho phụ nữ đến khám thai, sinh con tại cơ sở y tế.

. Cung cấp bổ sung sắt/folic/đa vi chất dinh dưỡng tại hộ gia đình cho bà mẹ trước, trong và sau sinh nhằm cải thiện tình trạng suy dinh dưỡng, đảm bảo sự phát triển của tốt hơn của thai nhi ngay từ trong bụng mẹ, nâng cao chất lượng duy trì giống nòi;

. Hỗ trợ phụ nữ đến cơ sở y tế sinh con theo đúng chính sách dân số; phương tiện đi lại và tiền ăn cho người nhà chăm sóc phụ nữ khi sinh con tại cơ sở y tế;

. Điều trị suy dinh dưỡng cho trẻ bị suy dinh dưỡng cấp tính nặng;

. Cung cấp bổ sung đa vi chất dinh dưỡng cho trẻ em dưới 5 tuổi có nguy cơ cao thiếu vitamin A, vitamin D và khoáng chất, góp phần phòng chống suy dinh dưỡng thấp còi, nhẹ cân, nâng cao tầm vóc thể lực trẻ em dân tộc thiểu số rất ít người;

. Theo dõi biểu đồ tăng trưởng của trẻ dưới 5 tuổi, duy trì việc cân đo đối với trẻ bị suy dinh dưỡng, tư vấn chế độ dinh dưỡng, chăm sóc giúp trẻ tăng trưởng bình thường;

. Hỗ trợ đảm bảo bữa ăn dinh dưỡng cân đối hợp lý và sữa học đường nhằm nâng cao tầm vóc thể lực cho trẻ tại các cơ sở giáo dục mầm non công lập.

+ Hỗ trợ duy trì phổ cập kiến thức:

. Tổ chức các lớp học xóa mù chữ, đào tạo nghề ngắn hạn phù hợp với các nhóm đối tượng, phổ cập kiến thức, duy trì tỷ lệ biết chữ, đọc thông, viết thạo;

. Xây dựng chương trình, tài liệu học tập phù hợp với các nhóm đối tượng;

. Tăng cường giáo viên chuyên trách và tổ chức lớp xóa mù chữ cho các xã, thôn bản có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; lựa chọn cán bộ, giáo viên, người có uy tín trong cộng đồng, trưởng thôn... là người dân tộc thiểu số hoặc những người am hiểu văn hóa, thông thạo ngôn ngữ của dân tộc thiểu số rất ít người tham gia công tác điều tra nhu cầu, vận động người học xóa mù chữ, duy trì lớp học xóa mù chữ;

. Hỗ trợ giáo viên tăng cường hướng dẫn, ôn tập, củng cố kiến thức để kiểm tra, đánh giá, công nhận kết quả xóa mù chữ;

. Hỗ trợ người dân tộc thiểu số rất ít người tham gia học xóa mù chữ, nâng cao chất lượng học xóa mù chữ, củng cố kết quả biết chữ, hạn chế tái mù;

. Hỗ trợ đào tạo nghề ngắn hạn, nâng cao năng lực và dịch vụ cho người lao động khởi sự kinh doanh, phát triển sinh kế. Cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm cho người lao động là người dân tộc thiểu số rất ít người theo các thỏa thuận, chương trình hợp tác hoặc sau khi tốt nghiệp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

+ Xây dựng mô hình nâng cao chất lượng dân số đối với các dân tộc thiểu số rất ít người trên địa bàn các xã, thôn bản đặc biệt khó khăn.

- Về huy động nguồn lực:

+ Nguồn lực thực hiện Đề án bao gồm: ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, các chương trình, chính sách trên địa bàn, các thành phần kinh tế - xã hội và nguồn lực hợp pháp khác.

+ Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích và tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân tham gia tài trợ, đầu tư và liên kết trong việc triển khai các hoạt động có liên quan của Chương trình.

+ Tăng cường sự hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, đào tạo, ứng dụng khoa học kỹ thuật phát triển về thể chất, nâng cao tầm vóc thể lực, chăm sóc sức khỏe các dân tộc thiểu số rất ít người, ưu tiên cải thiện chế độ dinh dưỡng đối với bà mẹ mang thai và trẻ em.

c) Kinh phí thực hiện Chương trình

- Kinh phí thực hiện Chương trình thuộc nguồn lực Đề án Tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 theo Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội, vốn lồng ghép từ các Chương trình, Dự án có liên quan theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

- Kinh phí của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia thực hiện nhiệm vụ của Chương trình và huy động từ các nguồn lực hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban Dân tộc

- Là cơ quan đầu mối chỉ đạo, hướng dẫn cơ chế quản lý, tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Chương trình theo đúng quy định của pháp luật; chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn các địa phương xây dựng kế hoạch, dự án thành phần cho từng năm và cả giai đoạn; hàng năm rà soát đối tượng, tổng hợp nhu cầu vốn của các địa phương gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính; thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra, đôn đốc, đánh giá kết quả hàng năm, tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

- Tổ chức sơ kết Chương trình 5 năm và tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình. Đề xuất hình thức biểu dương, khen thưởng các địa phương có nhiều thành tích trong quản lý, chỉ đạo, tổ chức thực hiện, nhất là các địa phương có nhiều xã, thôn bản sớm hoàn thành mục tiêu của Chương trình.

- Giao Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các xã, thôn, bản trên địa bàn các tỉnh thuộc phạm vi Chương trình để tổ chức thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

- Phối hợp với các cơ quan thông tấn báo chí xây dựng các chuyên mục phát thanh truyền hình để thông tin, tuyên truyền tới cộng đồng các dân tộc thiểu số rất ít người nâng cao chất lượng dân số.

2. Bộ Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan cân đối, bố trí đủ kinh phí sự nghiệp theo kế hoạch hàng năm để thực hiện nhiệm vụ và chính sách thuộc Chương trình; phối hợp với Ủy ban Dân tộc trong công tác kiểm tra, đôn đốc, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan cân đối, bố trí vốn đầu tư để thực hiện chính sách thuộc Chương trình này; phối hợp với Ủy ban Dân tộc trong công tác kiểm tra, đôn đốc, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình.

4. Các Bộ Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

Chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan hướng dẫn kỹ thuật chuyên môn để triển khai thực hiện Chương trình theo chức năng, nhiệm vụ được giao; phối hợp với Ủy ban Dân tộc trong công tác kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình.

5. Bộ Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân tộc và các Bộ, ngành liên quan chỉ đạo các cơ quan thông tấn báo chí tăng cường thông tin, tuyên truyền về nâng cao chất lượng dân số các dân tộc thiểu số rất ít người.

6. Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam

Tăng cường các chuyên mục, chuyên đề về dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn.

7. Ủy ban nhân dân 12 tỉnh: Cao Bằng, Hà Giang, Lào Cai, Yên Bái, Tuyên Quang, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Kon Tum chịu trách nhiệm bố trí đủ kinh phí để thực hiện Chương trình, tổ chức thực hiện đảm bảo chất lượng, hiệu quả của Chương trình trên địa bàn; xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình cho cả giai đoạn và hàng năm.

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn và Ủy ban nhân dân các huyện, xã triển khai thực hiện các Dự án thành phần;

- Định kỳ 6 tháng, 1 năm tổng hợp báo cáo Ủy ban Dân tộc kết quả thực hiện Chương trình tại địa phương để Ủy ban Dân tộc tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh: Cao Bằng, Hà Giang, Lào Cai, Yên Bái, Tuyên Quang, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Kon Tum chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.//

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND các tỉnh: Cao Bằng, Hà Giang, Lào Cai, Yên Bái, Tuyên Quang, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Kon Tum;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các Đoàn thể;
- Văn phòng Ủy ban Dân tộc (03)
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, QHĐP (3) TĐT. **68**

